

QUẢN LÝ PHÁT TRIỂN XÃ HỘI, BẢO ĐẢM TIẾN BỘ, CÔNG BẰNG XÃ HỘI THỜI KỲ ĐỔI MỚI¹

PGS,TS NGUYỄN NGỌC HÒA

Học viện Chính trị khu vực III

1. Tiến bộ và công bằng xã hội là nhu cầu có tính lý tưởng trong bất cứ xã hội nào. Lịch sử phát triển của nhân loại nói chung và của các hình thái kinh tế chính trị, các thể chế, chế độ nói riêng đều hướng đến tiến bộ và công bằng xã hội như là tiêu chí, thước đo ưu việt nhất. Nói tiến bộ là nói đến văn minh, nói đến sự phát triển của khoa học và công nghệ trên cơ sở phát huy tối đa “năng lực bản chất người” (C.Mác) trong sáng tạo và hưởng thụ. Xã hội nào, chế độ chính trị nào đem lại nhiều khả năng hơn cho sự phát huy sức mạnh và năng lực sáng tạo của con người, hoàn thiện bản tính con người thì xã hội đó được coi là tiến bộ. Song hành với tiến bộ xã hội là công bằng xã hội. Tiến bộ mà không công bằng xã hội xem như xã hội đó không đạt đến sự tốt đẹp. Một chế độ, một xã hội đạt đến sự tiến bộ vượt bậc nhưng phân hóa giàu nghèo ngày càng sâu sắc thì không thể là một xã hội hạnh phúc hay lý tưởng. Công bằng xã hội là một phạm trù lịch sử phản ánh mối quan hệ giữa người với người, giữa các giai tầng xã hội trên tất cả những lĩnh vực của đời sống xã hội, trong đó đảm bảo sự tương xứng giữa phẩm chất và năng lực với thời cơ và điều kiện phát triển, giữa nghĩa vụ và quyền lợi, giữa cống hiến và hưởng thụ, mong muốn với khả năng hiện thực của xã hội một cách tương đối ngang nhau. Công bằng xã hội thể hiện khát vọng của con người và là mục tiêu, động lực của sự phát triển xã hội. Công bằng xã hội mang tính toàn diện trên những lĩnh vực kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội..., trên cơ sở bảo đảm sự tương xứng giữa việc sản xuất, sáng tạo và phân phối, tiêu thụ sản phẩm xã hội. Tuy nhiên, cần hiểu sự công bằng xã hội có tính tương

đối, nếu không sẽ rơi vào chủ nghĩa bình quân, cào bằng đồng nghĩa với đánh mất động lực phát triển.

Như vậy, tính lý tưởng của tiến bộ và công bằng xã hội là một hiện thực mà bất cứ chế độ nào, xã hội nào, mô hình nào cũng đều hướng đến. Để hướng đến mục đích lý tưởng đó, quản lý xã hội và quản lý phát triển xã hội có vai trò quan trọng trong việc xây dựng các bước đi, lộ trình, chiến lược phát triển trong mỗi quốc gia.

2. Quản lý phát triển xã hội, dù ở bất cứ giai đoạn nào cũng đều hướng đến phát triển bền vững, trong đó việc thực hiện tiến bộ và công bằng xã hội có ý nghĩa quan trọng. Theo từ điển Tiếng Việt, “quản lý” là trông coi và giữ gìn theo những yêu cầu nhất định; là tổ chức và điều hành các hoạt động theo những yêu cầu, mục tiêu đặt ra. Ở tầm vĩ mô, “quản lý” là sự tác động có tổ chức, có ý thức hướng đích của chủ thể vào đối tượng nhằm bảo vệ, duy trì một trạng thái xác định hay dịch chuyển trạng thái này thành trạng thái khác phù hợp với các quy luật khách quan. Theo quan điểm chủ nghĩa Mác - Lênin, tương ứng với từng hình thái kinh tế - xã hội thì có những hoạt động quản lý riêng. Trong những xã hội khác nhau sẽ có những kiểu quản lý xã hội khác nhau. Hoạt động quản lý là sự phản ánh khách quan về trình độ tổ chức xã hội, mà tổ chức xã hội chính là bộ khung của hoạt động xã hội. Do đó, tổ chức và cơ cấu xã hội quy định, chi phối hoạt động xã hội. Khi nói đến kết quả của hoạt động quản lý người ta nói đến tính hiệu quả của việc điều khiển hoạt động của một tổ chức, một tập đoàn hay một xã hội bằng cách nào đó để ít tốn thời giờ, tiền của, nguyên vật liệu, sức lực của người tham gia hoạt động. Hoạt động quản

lý là một loại hoạt động tổ chức xã hội và chỉ có trong tổ chức thì con người mới nhận dạng rõ vị trí và vai trò của mình, cũng chỉ có trong đó con người mới được đảm bảo sự thỏa mãn những nhu cầu cơ bản với nhau là một con người xã hội. Do nhu cầu khách quan của xã hội đòi hỏi cần có hoạt động quản lý, cho nên, hoạt động quản lý là hình thức tồn tại đặc thù của đời sống xã hội loài người. Nó đảm bảo cho con người không những thỏa mãn những nhu cầu hiện tại mà còn thỏa mãn những nhu cầu trong tương lai, đảm bảo cho con người độ an toàn cả về mặt sinh học lẫn về mặt xã hội².

Chủ tịch Hồ Chí Minh, khi đề xuất chương trình xây dựng nền văn hóa mới Việt Nam, quan niệm xã hội theo nghĩa rộng gồm 4 lĩnh vực tương tác nhau là văn hóa (tâm lý, luân lý), xã hội, chính trị và kinh tế. Trong đó, xã hội theo nghĩa hẹp là các hoạt động và quan hệ xã hội liên quan đến phúc lợi (hay an sinh xã hội) của con người. Trên cơ sở đó, quản lý phát triển xã hội theo nghĩa rộng là quản lý toàn bộ cấu trúc xã hội bao gồm kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa... Theo nghĩa hẹp là những vấn đề về an sinh xã hội, lao động, việc làm, bảo hiểm... nâng cao thu nhập cho người lao động, chăm sóc sức khỏe nhân dân, tạo bình đẳng về cơ hội để người dân thụ hưởng phúc lợi xã hội và bảo đảm an sinh xã hội. Quản lý phát triển xã hội có nhiều quan niệm khác nhau. Song, về cơ bản khi nói đến quản lý phát triển xã hội là sự tác động có định hướng, có tổ chức của các chủ thể nhà nước và xã hội đến các lĩnh vực đời sống xã hội nhằm mục tiêu phát triển xã hội hài hòa và bền vững³.

Quản lý phát triển xã hội, theo nghĩa hẹp của thuật ngữ xã hội, trước tiên là lập kế hoạch (chiến lược, chương trình...) và cách thức tổ chức, điều hành, giám sát việc thực hiện đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và luật pháp của Nhà nước đối với quá trình phát triển lĩnh vực xã hội nói riêng, và đối với quá trình phát triển các phương diện (khía cạnh) xã hội thuộc các lĩnh vực khác nhau của đời sống xã hội nhằm đảm bảo cho xã hội phát triển nhanh, bền vững theo hướng tiến bộ và công bằng xã hội, đồng thời đáp ứng ngày càng đầy đủ yêu cầu được phát triển toàn diện của con người. Quản lý, đặc biệt đối với sự phát triển lĩnh vực xã hội vốn là nơi tập trung và thể hiện rõ nhất các quan hệ người - người, còn bao hàm cả việc tạo điều kiện để tăng

cường các yếu tố thúc đẩy phát triển xã hội, khắc phục các yếu tố cản trở sự tiếp cận lợi ích, nhu cầu của con người. Nội dung này của quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội được thể hiện hầu như trong tất cả các vấn đề xã hội, từ vấn đề cơ cấu xã hội đến các lĩnh vực khác của đời sống xã hội, đến từng giai tầng, nhóm người cụ thể. Trong *Báo cáo của Chính phủ Việt Nam về phát triển xã hội* tại Hội nghị Thượng đỉnh các quốc gia bàn về phát triển xã hội tại Cô-pen-ha-ghe (Đan Mạch) vào 03 - 1995 đã đề cập tới 10 vấn đề xã hội cần phải được quản lý phát triển hiện nay ở Việt Nam là: (1) Giải quyết việc làm; (2) Xóa đói giảm nghèo; (3); Hòa nhập xã hội; (4) Tăng cường vai trò của gia đình; (5) Phát triển giáo dục; (6) Dân số, kế hoạch hóa gia đình; (7) Chăm sóc sức khỏe nhân dân (cộng đồng); (8) Bảo trợ xã hội (bảo hiểm xã hội và trợ giúp xã hội); (9) Môi trường; (10) Hạn chế và ngăn ngừa các hành vi phạm tội (ma túy, mại dâm, buôn lậu, tham nhũng, làm giàu bất chính).

Tiến bộ và công bằng xã hội nếu được hiện thực hóa trong từng giai đoạn thì đó là thước đo của việc thực thi thành công các chính sách của Nhà nước. Chính vì vậy, mục tiêu của tiến bộ và công bằng xã hội không phải là bất biến. Để làm được điều này mục tiêu quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội là phải giải quyết hài hòa các mối quan hệ xã hội, rút ngắn khoảng cách giàu nghèo, bảo đảm sự ổn định và phát triển xã hội bền vững; khắc phục từng bước sự mất cân đối về cơ cấu giai tầng xã hội, dân cư, ngành nghề, giàu nghèo; kiểm soát và xử lý các rủi ro, mâu thuẫn, xung đột, lệch chuẩn xã hội để bảo đảm mọi người dân đều được tự do, bình đẳng về cơ hội và điều kiện phát triển toàn diện. Quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội được thể hiện qua các chỉ tiêu về giảm thiểu bất bình đẳng giới, rút ngắn khoảng cách giàu, nghèo, tỷ lệ thất nghiệp, thiếu việc làm có xu hướng giảm dần, tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng dần, bình đẳng giới, phụ nữ tham chính ngày càng tăng... Có thể nói rằng, mục tiêu bao trùm của quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội là phát triển toàn diện con người, thúc đẩy công bằng và tiến bộ xã hội, tạo ra một xã hội hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với phát triển xã hội; giữa khai thác nguồn lực con người với bồi dưỡng, chăm lo

cho con người; giữa phát triển trước mắt với phát triển bền vững trong tương lai.

Tiến bộ và công bằng xã hội vừa là thước đo vừa là hành trình không có điểm dừng của mọi chế độ dân chủ và tiến bộ. Trong hành trình đó việc bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội chịu sự tác động của các nhân tố khách quan hay sức mạnh của thể chế trong quá trình điều hành, quản trị xã hội. Mỗi chế độ xã hội đều có chuẩn mực riêng về tiến bộ và công bằng xã hội, chuẩn mực đó do hoàn cảnh lịch sử cụ thể của xã hội đó quy định. Với vai trò của mình, bản chất của quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội là phải thật sự bảo đảm phát triển chất lượng cuộc sống của mọi người dân; coi nhân dân là chủ thể phát triển xã hội và quyền làm chủ đó được tôn trọng và bảo vệ; gia đình là tế bào xã hội phải hòa thuận, cộng đồng hài hòa; môi trường xã hội an toàn, lành mạnh; con người phát triển toàn diện, có cơ hội cống hiến và hưởng thụ thành quả của sự phát triển, mọi người cảm nhận được sự hài lòng và sống trong hạnh phúc.

Với mục tiêu như vậy, nội dung quản lý xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội là thiết lập các tiêu chuẩn, các chỉ báo xã hội; phân loại các vấn đề xã hội; áp dụng phương pháp quản lý một cách khoa học để giải quyết các vấn đề đó; lập kế hoạch về việc thực hiện các quan hệ xã hội và các quá trình biến động xã hội; dự báo xã hội. Ở đây, vai trò chủ thể nhà nước rất quan trọng bởi tính chất tổ chức thực hiện trực tiếp thông qua chính sách và pháp luật. Luật pháp, chính sách và nguồn lực là cơ sở, nền tảng để tổ chức thực hiện thông qua hệ thống tổ chức bộ máy nhà nước được thiết lập từ trung ương đến cơ sở, kết hợp với thu hút sự tham gia của các chủ thể khác, nhằm đạt được mục tiêu bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội. Trong điều kiện Việt Nam hiện nay, quản lý phát triển xã hội về cơ bản là: (i) phát triển cơ cấu xã hội, (ii) kiểm soát biến đổi xã hội, (iii) thực hiện các đảm bảo xã hội, (iv) xử lý các vấn đề xã hội nảy sinh và (v) xây dựng chính sách phát triển xã hội. Phát triển cơ cấu xã hội bao gồm: cơ cấu dân số, dân cư và nhân khẩu; cơ cấu giai cấp, tầng lớp, dân tộc, tôn giáo; cơ cấu giới, thế hệ, nghề nghiệp... thích ứng với cơ cấu kinh tế, đảm bảo xã hội hài hòa, đồng thuận và tiến bộ. Kiểm soát các biến đổi xã hội bao

gồm: bất bình đẳng xã hội, phân tầng xã hội, di động xã hội, an toàn xã hội, xung đột xã hội, bất thường xã hội và bền vững xã hội. Thực hiện đảm bảo xã hội bao gồm: an sinh xã hội, hòa nhập và tái hòa nhập xã hội, ưu đãi xã hội, bảo trợ xã hội, dịch vụ xã hội (việc làm, giáo dục, y tế, nhà ở xã hội...) ⁴.

Trong quá trình phát triển, quy luật tất yếu là sẽ nảy sinh nhiều vấn đề xã hội liên quan đến từng giai tầng xã hội, đến từng nhóm người cụ thể, trong đó có những biến đổi tiêu cực. Nếu không giải quyết kịp thời, thỏa đáng sẽ dẫn đến bất ổn xã hội, trở thành điểm nóng tác động đến đời sống chính trị, xã hội. Vì vậy, trong quá trình quản lý phát triển xã hội, cần xác định rõ đối tượng quản lý. Đối tượng của quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội là các quan hệ, hoạt động và quá trình xã hội của con người, từ quan hệ trong nhóm nhỏ xã hội đến quan hệ giai cấp, quan hệ trong các cộng đồng xã hội khác nhau (dân tộc, tôn giáo, văn hóa,...) với những lợi ích, tâm lý và tập quán không giống nhau. Chủ thể quản lý xã hội và đối tượng quản lý xã hội luôn có quan hệ tương tác. Trong bối cảnh xã hội Việt Nam hiện nay, có thể thấy đối tượng cụ thể của quản lý phát triển xã hội bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội là các vấn đề xã hội xuất hiện từ các quan hệ kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội... có tác động đến sự phát triển bình thường hoặc bất thường của con người, của cộng đồng cũng như chất lượng cuộc sống của họ đòi hỏi phải có những biện pháp xử lý theo hướng đảm bảo sự phát triển bền vững. Các vấn đề xã hội này xuất hiện không hẳn từ bản thân nó mà chịu sự tác động biến chứng từ các mối quan hệ khác như từ các quan hệ xã hội - kinh tế, xã hội - chính trị, xã hội - văn hóa, xã hội - môi trường... Vì vậy, giải quyết các vấn đề xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội không chỉ thực hiện bằng các chính sách xã hội biệt lập mà phải đặt trong quan hệ chặt chẽ với chính sách phát triển kinh tế, chính trị, văn hóa, môi trường...

3. Quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội là một đòi hỏi lớn lao của một chế độ xã hội khi lấy mục tiêu phát triển bền vững làm thước đo. Các thể chế chính trị nhận thức được điều đó và đánh giá cao vai trò của các chủ thể khi xây dựng cơ chế và công cụ để quản lý. Dù tiếp cận dưới góc độ nào thì khi nói đến

quản lý là nói đến vai trò của Nhà nước. Có thể định hướng mục tiêu tiến bộ và công bằng xã hội do đảng cầm quyền đặt ra, song nhà nước phải làm nhiệm vụ quản lý với công cụ của mình. Như vậy, quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội là hoạt động quản lý của Nhà nước và các tổ chức ngoài nhà nước trong quá trình xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch (chiến lược, chương trình...) trên cơ sở đường lối, chủ trương, chính sách, luật pháp thuộc lĩnh vực xã hội, nhằm huy động và sử dụng hiệu quả các nguồn lực cho việc phát triển nhanh, bền vững đời sống xã hội của con người và xã hội hướng đến tiến bộ, công bằng xã hội. Quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội có mối quan hệ biện chứng với quản lý phát triển kinh tế, chính trị và văn hóa. Quản lý phát triển xã hội cũng như quản lý các lĩnh vực khác, nhìn chung đều gồm hai thành tố: hệ thống tổ chức bộ máy quản lý và cơ chế quản lý. Hệ thống tổ chức bộ máy quản lý thuộc chủ thể quản lý; còn cơ chế quản lý là phương thức vận hành của hệ thống tổ chức bộ máy quản lý nhằm tác động vào đối tượng quản lý. Trong trường hợp của xã hội Việt Nam, chủ thể quản lý phát triển xã hội bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội bao gồm: Đảng Cộng sản Việt Nam, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các đoàn thể chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, các nhóm xã hội, cộng đồng xã hội, các tổ chức kinh tế... Tuy nhiên, chủ thể Nhà nước đóng vai trò tập trung, trực tiếp và thường xuyên nhất.

Với một chủ thể đặc thù như vậy, cơ chế quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội cũng có nhiều đặc trưng khác biệt so với quản lý hành chính và quản lý doanh nghiệp. Quản lý hành chính liên quan đến chủ thể nhà nước theo định hướng và tầm nhìn xa của một chế độ xã hội vì vậy tính tự giác và đòi hỏi mức độ khoa học quản lý cao.

Quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội đòi hỏi nhà nước phải thể hiện các chức năng đầy đủ của mình mới đạt đến các mục tiêu đặt ra trong từng giai đoạn cụ thể. Trên cơ sở các chủ trương của Đảng về tầm nhìn chiến lược, nhà nước cần xây dựng lộ trình, hoạch định chính sách, tổ chức điều hành và kiểm tra quá trình đó để có thể tiếp tục phát huy hoặc điều chỉnh nếu có sai sót hoặc bất cập xảy ra trong quá trình quản lý. Chức năng hoạch định là chức

năng quan trọng nhất trong các chức năng quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội, bởi lẽ nó gắn liền với việc lựa chọn chương trình hành động trong tương lai. Có thể nói rằng, trong hầu hết các trường hợp, chức năng hoạch định chi phối tất cả các chức năng khác của quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội. Trên cơ sở các hoạch định chính sách, chức năng tổ chức điều hành có vai trò triển khai các quyết sách theo đúng mục tiêu đặt ra của chế độ chính trị. Chức năng tổ chức, điều hành, triển khai đòi hỏi cần có các tri thức và kỹ năng quản lý nhất định về phương diện xã hội và các mối quan hệ tiềm tàng. Ở chức năng này chủ thể tổ chức điều hành phải thực hiện nhiệm vụ chính là ra quyết định đúng và tổ chức thực hiện quyết định đó.

Trong quá trình quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội chức năng kiểm tra có ý nghĩa quan trọng. Kiểm tra là việc giúp nhà quản lý phát hiện các sai sót, các ách tắc của tổ chức trong quá trình hoạt động để có giải pháp xử lý, điều chỉnh, tận dụng các nguồn lực để sớm đưa hệ thống đến mục tiêu. Việc kiểm tra là nhằm chủ động ngăn chặn các nhầm lẫn, sai phạm có thể xảy ra trong quá trình quản lý.

Điều chỉnh trong quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội là chức năng luôn được đặt ra, bởi lẽ không có chính sách xã hội nào khi triển khai vào thực tiễn lại hoàn thiện tuyệt đối. Mục đích của điều chỉnh trong quản lý phát triển xã hội là khơi thông các ách tắc, trì trệ của hệ thống làm cho việc khai thác các tiềm năng, nguồn lực của hệ thống mang lại hiệu quả cao hơn.

Tóm lại, trong bối cảnh có nhiều thay đổi, biến động hiện nay, quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ, công bằng xã hội là định hướng xuyên suốt của Đảng Cộng sản Việt Nam. Khi đánh giá về thành tựu về quản lý phát triển xã hội, Văn kiện Đại hội XIII khẳng định rằng, chúng ta đã “Từng bước hoàn thiện đồng bộ và thực hiện có hiệu quả chính sách xã hội, chính sách dân tộc, tôn giáo; phát triển thị trường lao động, hướng tới xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ, tiệm cận các tiêu chuẩn quốc tế. Bảo đảm cơ bản an sinh xã hội, quan tâm nâng cao phúc lợi xã hội cho người dân; thực hiện ngày càng tốt hơn chính sách đối với người có công; tiếp tục cải thiện chính sách tiền lương; mở

rộng bảo hiểm xã hội; tỉ lệ bảo hiểm y tế đạt trên 90%. Hệ thống tổ chức y tế tiếp tục được kiện toàn. Quy mô, năng lực, chất lượng y tế dự phòng, khám, chữa bệnh, phòng, chống dịch, chăm sóc sức khỏe nhân dân có bước phát triển, tiếp cận được nhiều kỹ thuật tiên tiến trên thế giới, đạt nhiều kết quả quan trọng, nhất là trong phòng, chống đại dịch Covid-19. Đời sống nhân dân được cải thiện rõ rệt; tỉ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giảm còn dưới 3%; nhà ở xã hội được quan tâm⁵.

Đại hội XIII của Đảng tiếp tục đánh giá và đưa ra những định hướng lớn về quản lý phát triển xã hội thực hiện chính sách xã hội trong giai đoạn 2021 - 2025 tầm nhìn đến 2030. Văn kiện Đại hội XIII xác định: “Nhận thức đầy đủ và bảo đảm định hướng xã hội chủ nghĩa trong các chính sách xã hội. Tăng cường quản lý phát triển xã hội, bảo đảm tiến bộ và công bằng xã hội, tính bền vững trong các chính sách xã hội, nhất là phúc lợi xã hội, an ninh xã hội, an ninh con người. Triển khai đồng bộ, toàn diện các mục tiêu kinh tế, tiến bộ, công bằng xã hội và môi trường, trên cơ sở đó, đổi mới phân bổ nguồn lực hợp lý

để nâng cao hiệu quả phát triển xã hội. Xây dựng và thực hiện đồng bộ thể chế, chính sách phát triển xã hội, quản lý phát triển xã hội bền vững, hài hòa”⁶. Hệ thống chính sách xã hội mà Đại hội XIII đề cập tới bao gồm: chính sách đối với người có công; chính sách lao động tiền lương; chính sách đảm bảo xã hội; chính sách an sinh xã hội; chính sách y tế - chăm sóc sức khỏe; chính sách dân số; chính sách phòng chống tệ nạn xã hội; chính sách an toàn thực phẩm và thuốc chữa bệnh⁷.

1. Bài viết là sản phẩm của Đề tài Khoa học và Công nghệ cấp Quốc gia, mã số KX.02.34/21-25.
2. Vũ Hào Quang: *Xã hội học quản lý*, Nxb Đại học quốc gia, H, 2001, tr. 128.
3. Giáo trình *Xã hội học trong lãnh đạo, quản lý*, Nxb LLCT, H, 2021, tr. 211.
4. Hoàng Chí Bảo: *Những vấn đề lý luận cơ bản về phát triển xã hội và quản lý phát triển xã hội hiện nay - Vận dụng cho Việt Nam* (Đề tài KX02.06/06.10).
- 5, 6, 7. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t. 1, Nxb CTQG - ST, H, 2021, tr. 65; tr. 147, 148; tr. 148 - 152.

VIỆT NAM TỰ CHỦ CHIẾN LƯỢC TRONG BỐI CẢNH...

Thứ năm, tập trung xây dựng thực lực vững vàng, giữ vững độc lập tự chủ, ổn định và đoàn kết, thống nhất đồng thuận trong triển khai chính sách với các nước lớn. Tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, đồng thời làm sâu sắc hơn quan hệ với các đối tác chiến lược cùng các nước lớn. Thúc đẩy hội nhập quốc tế sâu rộng, hiệu quả hơn nữa trên cơ sở nâng cao vai trò, vị thế của đất nước trong các tổ chức quốc tế và khu vực mà Việt Nam là thành viên.

Trong bối cảnh cạnh tranh Mỹ - Trung ngày càng gay gắt hiện nay, việc Việt Nam hoạch định, triển khai chính sách đối ngoại, tự chủ chiến lược qua đường lối đối ngoại độc lập, tự chủ, đa dạng hóa, đa phương hóa, tích cực, chủ động hội nhập quốc tế, cân bằng quan hệ với các nước lớn giúp đất nước giữ vững tổng thể cục diện đối ngoại, vừa khẳng định một Việt Nam bản lĩnh, tin cậy và có trách nhiệm, giữ vững môi trường hòa bình, ổn định, góp phần bảo vệ độc lập, chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ. Vững vàng, kiên định tự chủ chiến lược nhất định chúng ta sẽ bảo

Tiếp theo trang 56

đảm tự chủ chiến lược trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trước những biến động của thời cuộc, đưa nước ta thực hiện thắng lợi mục tiêu: dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, vững bước đi lên chủ nghĩa xã hội.

1. Bajpai, A: *What is meant by Strategic Autonomy with respect to India's foreign policy?* Retrieved on January 1, 2019, <https://www.quora.com/What-is-meant-by-Strategic-Autonomy-with-respect-to-India-as-foreign-Policy>., 2016.
2. Vũ Văn Hiến: *Tự chủ chiến lược của Việt Nam trong bối cảnh mới - chủ trương và hiện thực*, <http://tapchiquatd.vn/vi/quan-triet-thuc-hien-nghi-quyet/tu-chu-chien-luoc-cua-viet-nam-trong-boi-canhh-moi-chu-truong-va-hien-thuc/20713.html>.
3. Robert Keohave: *After Hegemony*, Princeton, Nj: Princeton University Press, 1984, (p 51 - 52).
4. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t. 1, Nxb CTQG - ST, H, 2021, tr. 103.
5. Minh Anh: *Việt Nam luôn mong muốn tăng cường quan hệ hợp tác với Hoa Kỳ*, <https://dangcongsan.vn>, 2022.